TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Giúp
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Nguyễn Minh Chí
Bà Nguyễn Thị Hồng Thùy

Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1986; (Có mặt)
Địa chỉ: Số 5/29C đường N, Ấp 2, xã N1, huyện N2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Võ Thái H, sinh năm 1987; (Vắng mặt)
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T 3, xã P, huyện P1, tỉnh An Giang.
Hiện trú tại: Ấp 2/5, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn – chị Huỳnh Thị Ngọc Trinh cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Năm 2011, chị Huỳnh Thị Ngọc T kết hôn với anh Võ Thái H, thực hiện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N1, huyện N2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46 quyển số 01/2011 ngày 16-5-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại xã N1, huyện N2, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ trong thời gian đầu, về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường mâu thuẫn cãi vã về mọi mặt. Dù cố hàn gắn nhưng chị T và anh H không thể tiếp tục chung sống. Chị T và con về nhà cha mẹ ruột tại xã N1 huyện N2 sinh sống từ năm 2016. Anh H sống cùng mẹ ruột tại xã L, huyện C. Trong thời gian không còn chung sống, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai

quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh H nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có một con chung tên Võ Ngọc Quỳnh N3, sinh ngày 04-9-2011. Hiện nay chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Theo ý kiến của con và nhằm đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt của cháu N3, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Thái H. Anh H có ý kiến thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị T, đồng ý giao con cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và xác định chị T và anh không có tài sản chung hay nợ chung. Đồng thời, anh H yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Thái H, hiện anh H đang cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Võ Thái H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Hữu.

[2] Về hôn nhân: Anh Võ Thái H kết hôn với chị Huỳnh Thị Ngọc T, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N1, huyện N2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43 quyển số 01/2011 ngày 16-5-2011, nên xác định hôn nhân giữa anh H và chị T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng trong quá trình chung sống, chị T và anh H không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, bất đồng ý kiến về mọi mặt và thường xuyên cãi vã. Chị T không thể tiếp tục chung sống với anh H nên khởi kiện xin ly hôn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H và anh H có ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Thấy rằng cả chị T và anh H không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống vợ chồng. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H chung sống có với nhau 01 con chung là Võ Ngọc Quỳnh N3, sinh ngày 04-9-2011, hiện con chung đang sống với chị T.

Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh H đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, ghi nhận ý kiến của chị T và anh H, Hội đồng xét xử giao cháu N3 cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn với anh Võ Thái H.

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn với anh Võ Thái H.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc Quỳnh N3, sinh ngày 04-9-2011. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0009987 ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã N1, huyện N2, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Giúp